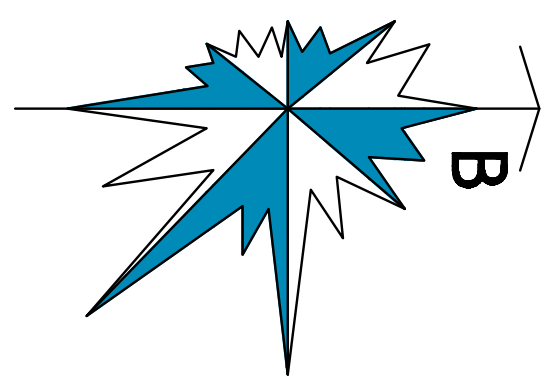


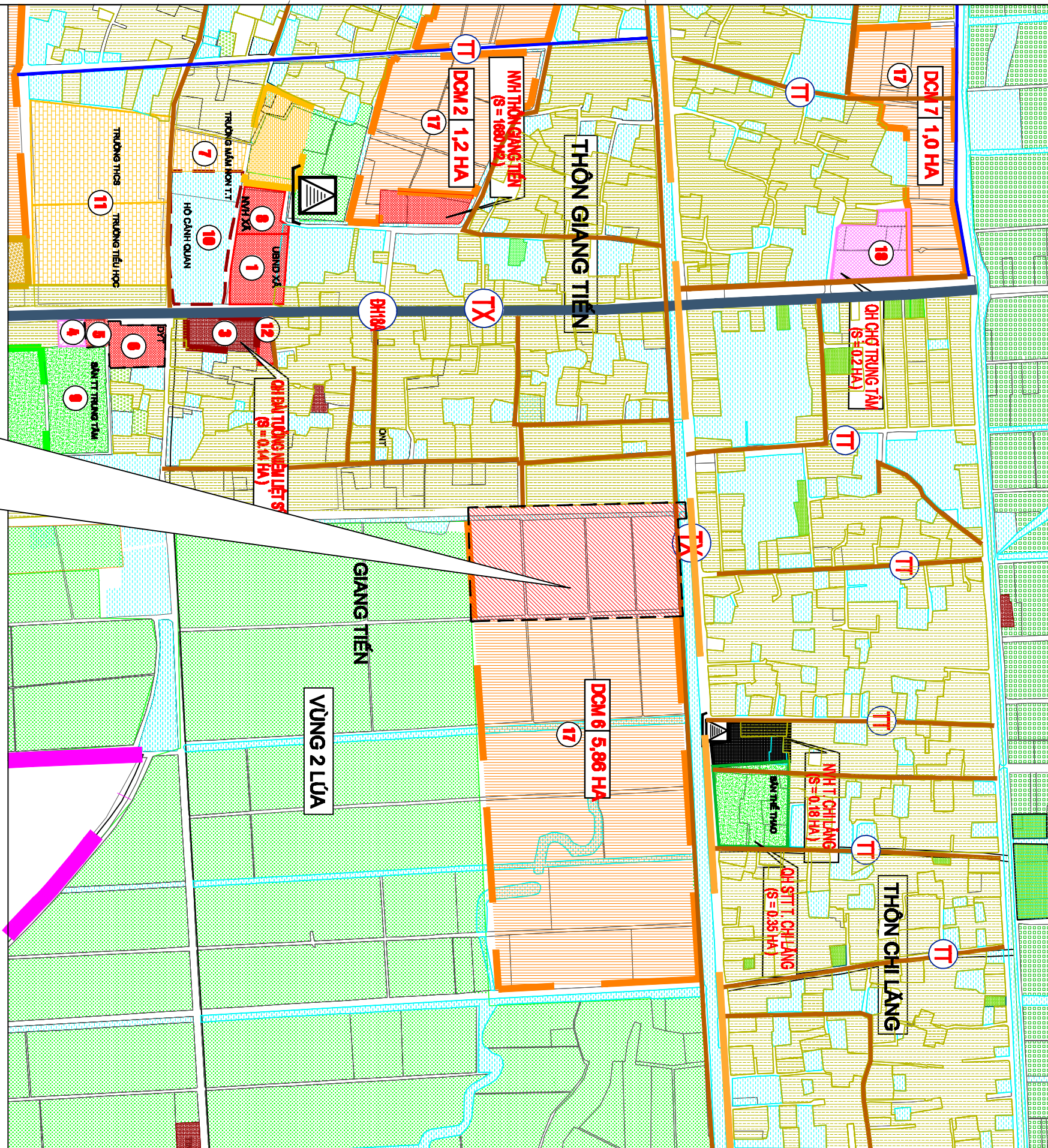


QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

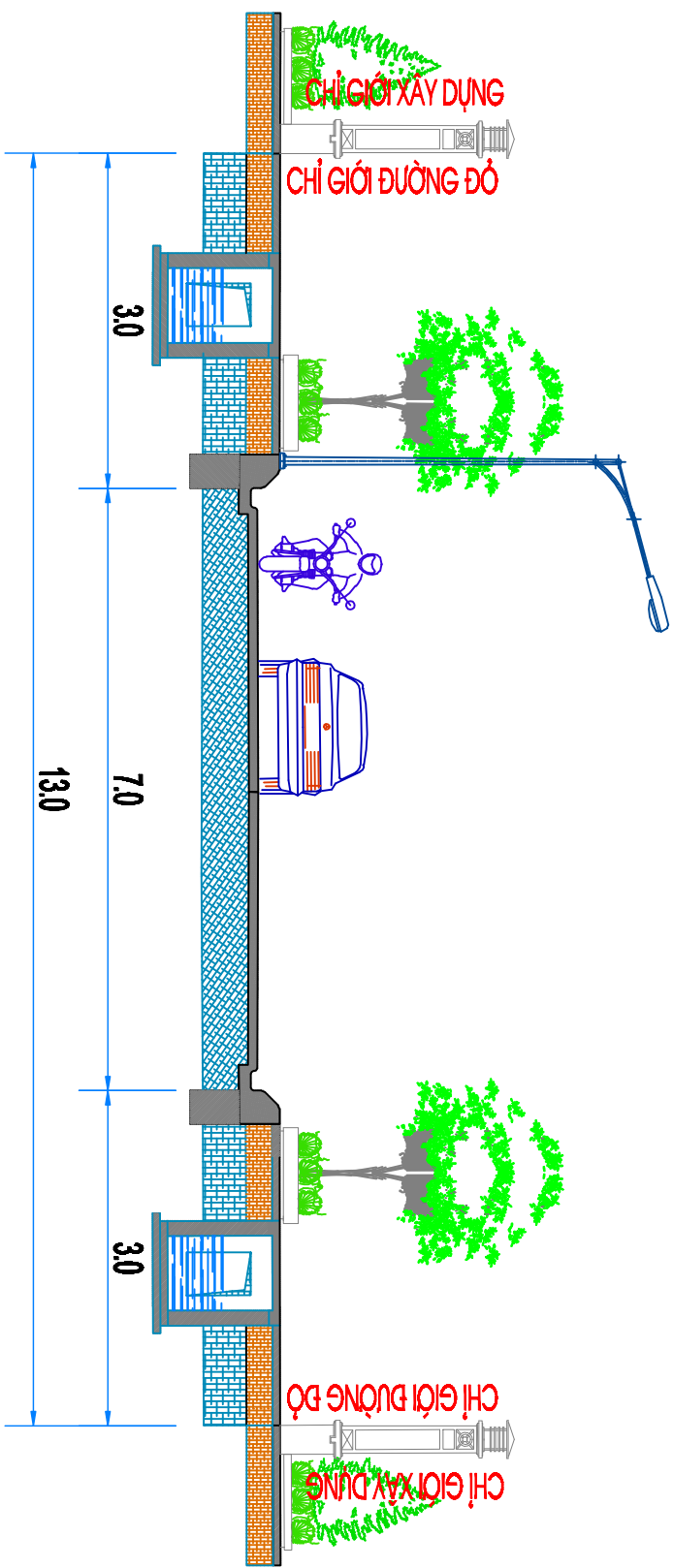
KHU DÂN CƯ GIANG TIẾN XÃ KIẾN XƯƠNG, TỈNH HUNG YÊN

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG CÁC LÔ ĐẤT TÀI ĐỊNH CƯ VÀ CÁC LÔ ĐẤT ĐẦU GIÁ ĐỢT 1 NĂM 2026

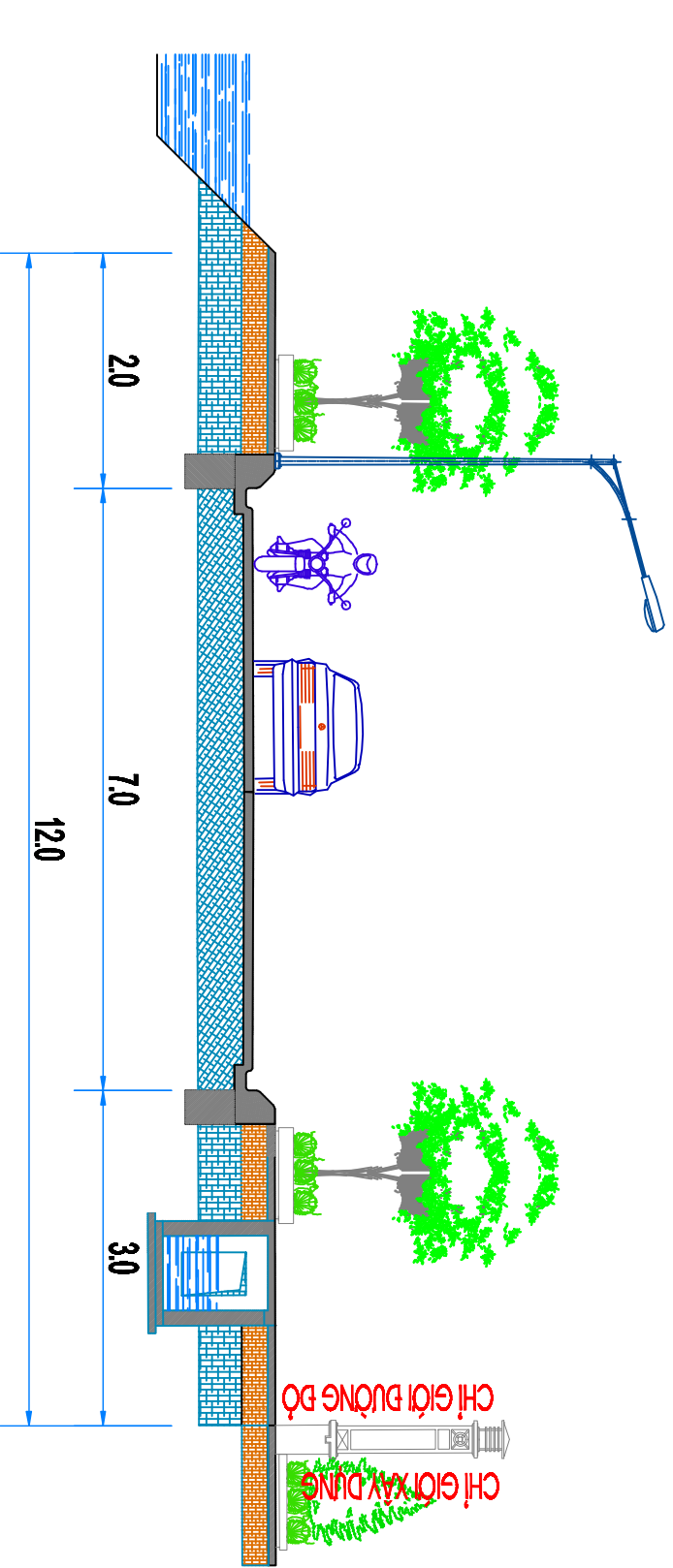
ĐỊA ĐIỂM: THÔN QUANG MINH - XÃ KIẾN XƯƠNG - TỈNH HUNG YÊN



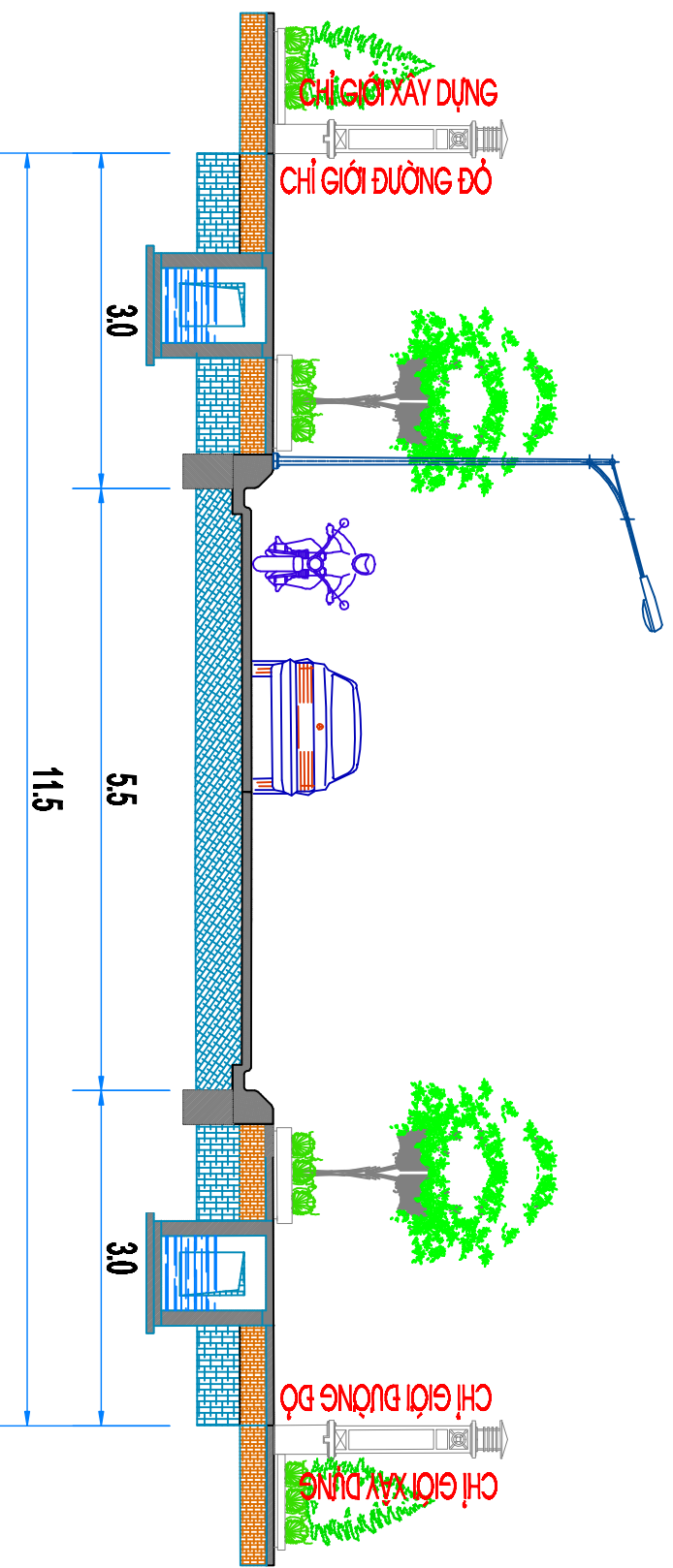
VỊ TRÍ NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH



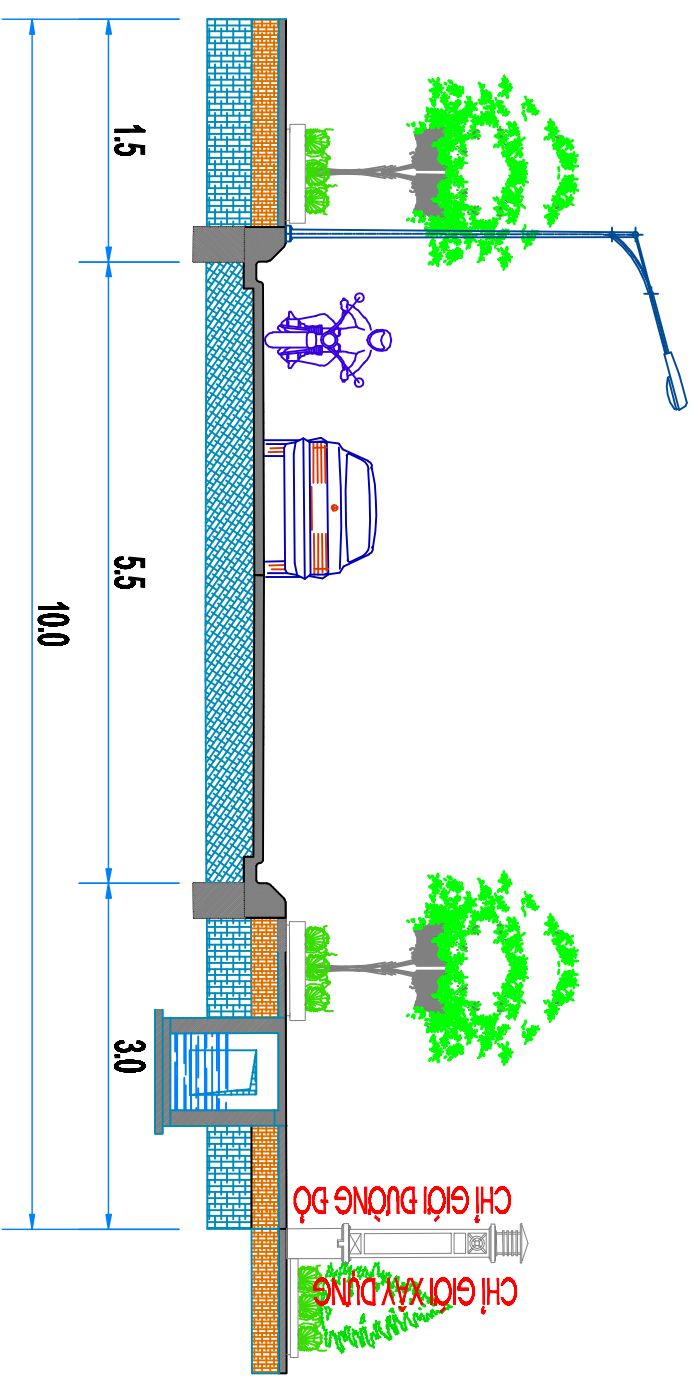
MẶT CẮT 1 - 1 (TUYẾN ĐƯỜNG QH)



MẶT CẮT 2 - 2 (TUYẾN ĐƯỜNG QH)



MẶT CẮT 3 - 3 (TUYẾN ĐƯỜNG QH)



MẶT CẮT 4 - 4 (TUYẾN ĐƯỜNG QH)

KHU DÂN CƯ QUANG TIẾN

KHU DÂN CƯ CHỈ LÀNG

ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRỤC XÃ

ĐƯỜNG QH3

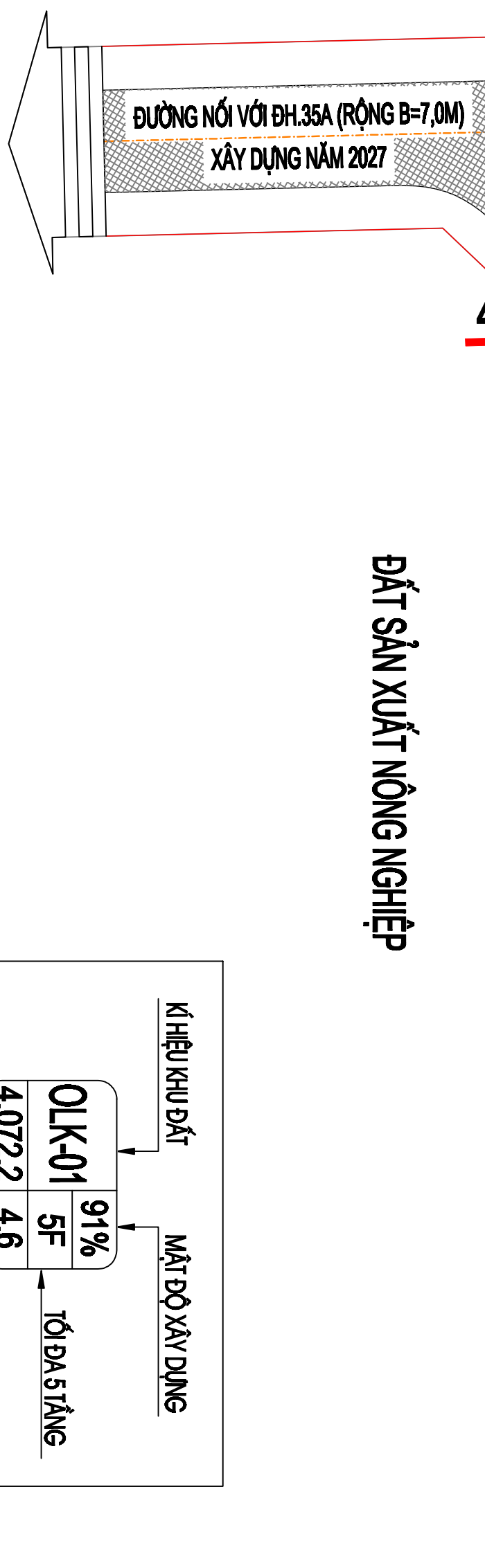
ĐƯỜNG QH2

ĐƯỜNG QH4

ĐƯỜNG QH1

ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP



ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

	CÁC LÔ ĐẤT ĐÀ BỐC TÀI ĐỊNH CƯ TỔNG CỘNG: TỔNG DIỆN TÍCH 810 M ² (LÔ QLK-1, QLK-01-13 ĐẾN 20)
	CÁC LÔ ĐẤT TỔ CHỨC ĐẦU GIÁ ĐỢT 1, TỔNG SỐ 30 LÔ, TỔNG DIỆN TÍCH 3.305,6 M ² .
	CÁC LÔ CHƯA TỔ CHỨC ĐẦU GIÁ (ĐẦU GIÁ ĐỢT 2), TỔNG 30 LÔ, TỔNG DIỆN TÍCH 2.852 M ² .

KÝ HIỆU VÀ THỐNG KÊ CÁC LÔ ĐẤT ĐẦU GIÁ

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT (CẢ KHU QH)				
STT	HẠNG MỤC	SỐ LÔ	DIỆN TÍCH M ²	TỶ LỆ %
1	ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở	75	6.967,6	46,56
	-ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở LIÊN KẾ - QLK1	45	4072,2	
	-ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở LIÊN KẾ - QLK2	10	943,4	
	-ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở LIÊN KẾ - QLK3	10	914,0	
	-ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở LIÊN KẾ - QLK4	05	519,0	
	-ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở LIÊN KẾ - QLK5	05	519,0	
2	ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG		699,0	4,27
3	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT		7.388,9	49,17
	-ĐẤT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI		1200	
	-ĐẤT GIAO THÔNG, KHE HIKT		7.288,9	
	TỔNG CỘNG		14.965,5	100%

BẢNG TỔNG HỢP CHIA LÔ CHI TIẾT (CẢ KHU QH)				
STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH M ²	SỐ TẦNG (CỐI ĐÁ %)
1	ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở	QLK	6.967,6	75 (1-5)
		QLK-01	4.072,2	45 (1-5)
		01	97,0	(1-5)
		2 => 20	90,0	(1-5)
		21	93,4	(1-5)
		22 => 24	88 => 89,9	(1-5)
		25	96,0	(1-5)
		26 => 44	90,0	(1-5)
		45	97,0	(1-5)
		QLK-02	943,4	10 (1-5)
		01	97,7	(1-5)
		02	96,7	(1-5)
		03	96,8	(1-5)
		04	94,8	(1-5)
		05	101,4	(1-5)
		06	97,0	(1-5)
		07 => 10	90,0	(1-5)
		QLK-03	914,0	10 (1-5)
		01 => 04	90,0	(1-5)
		05 => 06	97,0	(1-5)
		07 => 10	90,0	(1-5)
		QLK-04	519,0	05 (1-5)
		01 => 04	102,0	(1-5)
		05	111,0	(1-5)
		QLK-04	519,0	05 (1-5)
		01 => 04	102,0	(1-5)
		05	111,0	(1-5)